

Số: /BC-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO
Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021

Thực hiện Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 của Thanh tra Chính phủ; Văn bản số 1911/UBND-TCDNC ngày 20/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng và Văn bản số 863/TTT-VP ngày 18/11/2021 của Thanh tra tỉnh về việc phối hợp chỉ đạo thực hiện báo cáo tổng kết công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2021.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Về tổ chức hiện nay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm Văn phòng Sở và 15 đơn vị trực thuộc, gồm: 07 Chi cục: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Kiểm lâm, Thủy sản, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Thủy lợi và Chi cục Phát triển nông thôn; 03 Trung tâm: Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Khuyến nông và Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; 04 Ban quản lý Rừng: Tân Giang, liên hồ Sông Sắt - Sông Trầu, Krôngpha và ven biển Thuận Nam; 01 Ban quản lý Khai thác các Cảng cá.

Về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng luôn được các Cấp ủy, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của Đảng viên, cán bộ, công chức thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật PCTN; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức. Việc phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật về PCTN được lồng ghép trong các cuộc họp của cơ quan, đơn vị, sinh hoạt Chi bộ, Đoàn thể để quán triệt đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; đồng thời gắn với việc học tập Chỉ thị 50-CT/TW làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết trung ương 4 (Khóa XII) về ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái

về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Về công tác chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện các quy định của pháp luật PCTN, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các văn bản:

- Kế hoạch số 42/KH-SNNPTNT ngày 26/3/2021 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021.

- Kế hoạch số 44/KH-SNNPTNT ngày 11/5/2021 triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2021 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

- Kế hoạch số 55/KH-SNNPTNT ngày 07/5/2021 thực hiện Chương trình công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí 2021 của Tỉnh ủy.

- Văn bản số 688/SNNPTNT-TTr ngày 12/3/2021 triển khai thực hiện Thông tư số 58-TB/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2013-2020.

- Báo cáo số 144/BC-SNNPTNT ngày 03/3/2021 tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện UNCAC (Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hiệp quốc về chống tham nhũng).

- Văn bản số 1503/SNNPTNT-TTr ngày 20/5/2021 quy định chế độ báo cáo định kỳ công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22/3/2021 của Thanh tra Chính phủ.

- Văn bản số 58/SNNPTNT-TCCB ngày 08/01/2021 về việc hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập năm 2020.

- Kế hoạch số 08/KH-SNNPTNT ngày 11/01/2021 về việc thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2020.

- Kế hoạch số 32/KH-SNNPTNT ngày 11/3/2021 về việc triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu của năm 2020 trong toàn ngành.

- Báo cáo số 573/BC-SNNPTNT ngày 02/8/2021 về công tác phòng, chống tham nhũng phục vụ kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV theo chỉ đạo của Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 514/TTT-PCTN ngày 29/7/2021.

- Báo cáo số 610/BC-SNNPTNT ngày 13/8/2021 về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 thực hiện Kế hoạch số 3859/KH-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc triển khai đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng 2020 theo Kế hoạch số 1006/KH-TTCP ngày 28/6/2021 của Thanh tra Chính phủ.

- Văn bản số 3120/SNNPTNT-TTr ngày 08/9/2021 về việc khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí qua kiến nghị của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về thẩm tra báo

cáo công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm 2021 và phương hướng 06 tháng cuối năm 2021.

- Văn bản số 3738/SNNPTNT-TTr ngày 18/10/2021 về việc thực hiện giải pháp nâng cao chỉ số PAPI - Mục tiêu kiểm soát tham nhũng trong khu vực công.

- Văn bản số 3840/SNNPTNT-TTr ngày 22/10/2021 về việc thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích theo Luật PCTN.

- Kế hoạch số 98/KH-SNNPTNT ngày 01/11/2021 tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị trong công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng.

- Báo cáo số 918/BC-SNNPTNT ngày 25/11/2021 tình hình thi hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021.

- Văn bản số 4392/SNNPTNT-TTr ngày 29/11/2021 về việc tăng cường công tác phối hợp nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành các bản án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động.

Căn cứ các quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong năm Giám đốc Sở đã ban hành 12 quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm các Quyết định số: 511/QĐ-SNNPTNT ngày 30/12/2020, 521/QĐ-SNNPTNT ngày 31/12/2020, 114/QĐ-SNNPTNT ngày 05/3/2021, 165/QĐ-SNNPTNT ngày 09/4/2021, 167/QĐ-SNNPTNT ngày 13/4/2021, 177/QĐ-SNNPTNT ngày 16/4/2021, 246/QĐ-SNNPTNT ngày 17/6/2021, 279/QĐ-SNNPTNT ngày 06/7/2021, 366/QĐ-SNNPTNT ngày 24/8/2021, 404/QĐ-SNNPTNT ngày 27/9/2021, 413/QĐ-SNNPTNT ngày 04/10/2021 và Quyết định số 417/QĐ-SNNPTNT ngày 05/10/2021. Các quyết định công bố công khai được gửi cho các đơn vị và niêm yết tại Văn phòng Sở và cổng thông tin điện tử của Sở.

Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức được quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện kịp thời, đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện Bộ Luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức; các Nghị định của Chính phủ về công chức viên chức, các văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện của UBND tỉnh, Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành như: Quy chế nâng lương trước hạn theo Quyết định số 419/QĐ-SNNPTNT ngày 06/10/2021, Quy định về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với Trưởng, Phó các phòng chuyên môn, các đơn vị thuộc Sở trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 434/QĐ-SNNPTNT ngày 12/10/2021. Các hoạt động về tuyển dụng, chế độ tập sự, nâng lương, bổ nhiệm, quy hoạch, khen thưởng, kỷ luật, điều động, miễn nhiệm, hưu trí, cho thôi việc ... đối với công chức, viên chức

được đảm bảo thực hiện đúng quy định, kịp thời, chưa có sai phạm nào dẫn đến khiếu kiện phải giải quyết.

Công khai kết quả thi bảo vệ đề án thi tuyển các chức danh: Phó Chi cục trưởng Chi cục: Thủy lợi, Thủy sản, Kiểm lâm, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông, Phó Trưởng Ban quản lý rừng PHĐN hồ Tân Giang,; Thông báo ứng viên đủ điều kiện tham gia thi tuyển các chức danh; Kế hoạch thực hiện đánh giá Chương trình hành động trước khi xem xét, điều động, bổ nhiệm chức danh Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm.

Công khai Kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ trồng rừng thay thế tại Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu; Kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý sử dụng các nguồn kinh phí tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Kết luận thanh tra về chấp hành các quy định pháp luật thực hiện nhiệm vụ trồng rừng thay thế tại BQL Vườn Quốc gia Núi Chúa và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến.

Các Ban quản lý dự án thuộc Sở thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định như: Công khai kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thông báo mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

Công khai Quy chế làm việc theo Quyết định số 398/QĐ-SNNPTNT ngày 24/9/2021, Quy chế nâng lương trước hạn theo Quyết định số 419/QĐ-SNNPTNT ngày 06/10/2021, Quy chế văn hóa, công sở và chuẩn mực ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 431/QĐ-SNNPTNT ngày 08/10/2021, Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo Quyết định số 432/QĐ-SNNPTNT ngày 11/10/2021, Quy định về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với Trưởng, Phó các phòng chuyên môn, các đơn vị thuộc Sở trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 434/QĐ-SNNPTNT ngày 12/10/2021. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I, 6 tháng và quý III năm 2021 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Quyết định số 171/QĐ-SNNPTNT ngày 14/4/2021, Quyết định số 293/QĐ-SNNPTNT ngày 16/7/2021, Quyết định số 430/QĐ-SNNPTNT ngày 08/10/2021).

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức năm 2021, đóng góp ý kiến bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện các quy chế, trong đó có quy chế chi tiêu nội bộ áp dụng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Về cơ bản các đơn vị đã góp ý, xây dựng, ban hành mới quy chế chi tiêu nội bộ áp dụng các định mức, tiêu chuẩn, chế độ phù hợp với quy định về quản lý, sử dụng tài chính hiện hành theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh. Đến nay các

đơn vị đều thực hiện nghiêm túc chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo đúng quy định và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử.

Cùng với việc đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới công nghệ, các đơn vị đã triển khai xây dựng quy tắc về ứng xử, đạo đức nghề nghiệp cho CBCCVC nhằm nâng cao trách nhiệm thi hành công vụ, tạo môi trường lành mạnh trong quá trình làm việc. Hầu hết các đơn vị trong ngành đã ban hành quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, đồng thời quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc việc ứng xử trong giao tiếp, thực hiện nếp sống văn hoá, văn minh công sở, đạo đức thi hành công vụ. Toàn ngành tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành quy chế văn hoá công sở tại cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương, Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và tiếp tục triển khai công văn số 3839/UBND-NV ngày 13/9/2007 của UBND tỉnh Ninh Thuận về quy chế văn hóa ứng xử tại các cơ quan hành chính nhà nước. Kết quả đến nay 100% các cơ quan, đơn vị trong ngành đã thực hiện nghiêm túc giờ giấc làm việc, giao tiếp làm việc, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh công sở. Qua quá trình thực hiện, không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định ứng xử, đạo đức nghề nghiệp; thực hiện đúng các quy định về việc tặng quà, nhận quà, từ chối nhận quà tặng và nộp lại quà tặng.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác.

Về nội dung chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục thực hiện chuyển đổi các vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Đề án các đơn vị đã xây dựng và phê duyệt. Việc chuyển đổi vị trí công tác khách quan, dân chủ đã triển khai, phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức. Trong năm thực hiện chuyển đổi vị trí công tác 31 trường hợp (Chi cục Kiểm lâm: 06, Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 04, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 02, Chi cục Thủy sản: 02, Ban quản lý Rừng liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu: 17).

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt.

Hàng năm Sở đều ban hành kế hoạch cải cách hành chính triển khai đến các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc để thực hiện. Đã thực hiện cơ chế một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ làm việc. Đến nay toàn ngành đã áp dụng Chương

trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc (Phần mềm TD Office), trao đổi thông tin qua hệ thống mạng nội bộ.

Văn phòng Sở đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin đã đem lại hiệu quả trong thực hiện cải cách hành chính, tạo sự thống nhất trong trao đổi thông tin, kiểm tra, kiểm soát việc xử lý công văn giấy tờ và trách nhiệm cụ thể với cơ quan, cá nhân có liên quan. Công tác tiếp nhận, xử lý, hồ sơ được thực hiện nhanh gọn, chính xác; 100% văn bản đến, đi đều được quản lý và kiểm tra; văn bản phát hành được chuyển lưu trữ hàng ngày trên mạng và giao hồ sơ, giấy tờ hàng tuần. CBCC sử dụng thành thạo, ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong xử lý công việc hàng ngày, 100% CBCC thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đều được trang bị 01 máy tính riêng; vận hành ổn định phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office) trong quy trình tiếp nhận, xử lý văn bản nên 100% văn bản được tiếp nhận, xử lý có thời hạn và được quản lý chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra.

Đối với Văn phòng Sở và các Chi cục là loại hình cơ quan hành chính nhà nước, thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; đã thực hiện trả lương qua tài khoản. Còn lại các đơn vị khác thuộc ngành là loại hình đơn vị sự nghiệp, thực hiện việc quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, khoán chi theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác; các đơn vị đã thực hiện trả lương qua tài khoản.

Nhìn chung trong năm 2021 về công tác cải cách hành chính cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, các nội dung về cải cách hành chính được tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định của Trung ương và của tỉnh. Thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh theo cơ chế một cửa đạt hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, 100% hồ sơ được giải quyết đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn; tổ chức bộ máy được sắp xếp, kiện toàn; kỷ cương hành chính được tăng cường; thực hiện tốt chính sách quản lý tài chính công theo cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính tạo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, biên chế, tài chính góp phần thay đổi phương thức quản lý, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 989/KH-UBND ngày 02/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu của năm 2020 và Công văn số 130/TTT-PCTN

ngày 03/3/2021 của Thanh tra tỉnh về việc hướng dẫn lập danh sách, giao nhận Bản kê khai tài sản thu nhập lần đầu của năm 2020.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-SNNPTNT ngày 11/01/2021 về việc thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2020 đối với cơ quan Sở; Kế hoạch số 32/KH-SNNPTNT ngày 11/3/2021 về việc triển khai thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 trong toàn ngành; Văn bản số 58/SNNPTNT-TCCB ngày 08/01/2021 về việc hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 đối với các đơn vị trực thuộc; Biên bản ngày 17/02/2021 về việc niêm yết công khai danh sách CCVC kê khai tài sản, thu nhập năm 2020 và Biên bản ngày 04/3/2021 về việc kết thúc việc niêm yết công khai danh sách kê khai tài sản, thu nhập tại Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT. Tổng số người đã kê khai và công khai theo hình thức niêm yết tài sản, thu nhập lần đầu năm 2020 là **347** người, hồ sơ đã bàn giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Qua công tác tổ chức kiểm tra thực hiện công tác cải cách hành chính, công tác thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền, văn thư lưu trữ tại các đơn vị trực thuộc Sở theo Kế hoạch số 83/KH-SNNPTNT ngày 14/9/2021 và Quyết định số 428/QĐ-SNNPTNT ngày 07/10/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã lồng ghép kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của 05 đơn vị thuộc Sở, gồm các Chi cục: Kiểm lâm, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản và Chi cục quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản và Ban quản lý Khai thác các cảng cá.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ: Không có.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán.

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Không có.

- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán: Không có.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Không

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác: Không

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi ngành: Không có.

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng.

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện: Không có

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: Không có
- + Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính: Không
- + Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp: Không
- f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu.
 - Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác: Không có.
 - Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Không có

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Đánh giá mức độ hoàn thành công tác phòng, chống tham nhũng:

Công tác phòng, chống tham nhũng năm 2021 của ngành luôn được Cấp ủy, Lãnh đạo Sở và các đơn vị trực thuộc quan tâm chỉ đạo, từ đó có bước chuyển biến tích cực, trong ngành không xảy ra tham nhũng, hầu hết các Cấp ủy, thủ trưởng đơn vị đã chủ động hơn trong kiểm tra, thanh tra phát hiện xử lý kịp thời các biểu hiện tiêu cực. Công tác tuyên truyền, quán triệt các văn bản về phòng, chống tham nhũng luôn được lãnh đạo Sở và thủ trưởng các đơn vị quan tâm. Hàng năm Sở đều xây dựng kế hoạch phòng, chống tham nhũng, triển khai đến tất cả các đơn vị trực thuộc để thực hiện. Các biện pháp phòng ngừa được các đơn vị triển khai thực hiện thường xuyên, đồng thời xây dựng các tiêu chí thi đua, phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân, tăng cường công tác kiểm tra, công khai, minh bạch trong hoạt động của các đơn vị, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác, thực hiện tốt quy tắc ứng xử, kê khai tài sản, thu nhập, gắn với tiết kiệm chống lãng phí... đã nâng cao nhận thức CBCCVN trong toàn ngành, ngăn ngừa vi phạm tham nhũng trong cơ quan, đơn vị. Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực được chú trọng, thường xuyên rà soát bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; đưa các thủ tục hành chính đã được công bố về Trung tâm hành chính công của tỉnh để tiếp nhận và giải quyết; công khai các thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của Sở. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, giảm phiền hà đối với các tổ chức và nhân dân đến giao dịch thực hiện các thủ tục hành chính. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tăng cường, góp phần thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Hạn chế:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng tuy được quan tâm và đạt được một số hiệu quả nhất định, nhưng vẫn còn hạn chế như: hình thức tuyên truyền chưa thật sự phong phú, hấp dẫn, thực hiện chưa thường xuyên. Công tác kiểm tra, giám sát phòng, chống tham nhũng chưa sâu, chưa tự phát hiện trường hợp nào tham nhũng.

- Các đơn vị còn lúng túng trong việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với các vị trí công chức, viên chức có tính đặc thù. Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác chủ yếu theo đề án chuyển đổi vị trí của các đơn vị trực thuộc Sở, Sở

Nông nghiệp và PTNT chưa xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác trong toàn ngành.

3. Nguyên nhân:

- Các công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tham mưu về công tác phòng, chống tham nhũng làm nhiệm vụ kiêm nhiệm chưa được đào tạo, bồi dưỡng về công tác này nên trong quá trình thực hiện còn lúng túng.

- Quy định của pháp luật về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức có tính đặc thù như kế toán, chưa có hướng dẫn cụ thể nên còn khó khăn khi áp dụng vào thực tiễn.

- Công tác phòng, chống tham nhũng luôn là lĩnh vực khó khăn, phức tạp, hành vi tham nhũng ngày càng tinh vi, khó phát hiện.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

1. Phương hướng:

- Tiếp tục công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành về công tác phòng, chống tham nhũng.

- Công khai, minh bạch các hoạt động của cơ quan, đơn vị; công khai, minh bạch tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; công khai công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ...

- Tiếp tục chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Đề án phê duyệt vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trong ngành.

- Tăng cường công tác thanh kiểm tra cơ sở nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý kịp thời vi phạm, hạn chế các vụ việc tiêu cực xảy ra trong ngành.

2. Nhiệm vụ, giải pháp:

- Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thống nhất từ nhận thức đến hành động trong CBCCVN và người lao động trong toàn ngành.

- Chủ động nghiên cứu để góp ý xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về phòng, chống tham nhũng. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính; thực hiện công khai, minh bạch tạo thuận lợi trong giao dịch giữa các cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, người dân.

- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống tham nhũng như: Chú trọng thực hiện công khai, minh bạch và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong hoạt động mua sắm tài sản công, xây dựng cơ bản, tài chính ngân sách, kiểm tra kiểm soát lâm sản, công tác tổ chức, cán bộ... và tình trạng tham nhũng vặt tại cơ quan, đơn vị. Tiến hành thanh tra đối với đơn vị có dấu

hiệu tham nhũng, tiêu cực cũng như xem xét, xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng.

- Thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý tin báo và thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng. Kịp thời tôn vinh, biểu dương, khen thưởng những gương điển hình về phòng, chống tham nhũng; tích cực bảo vệ những người đã dũng cảm tố cáo hành vi tham nhũng và xử lý nghiêm mọi biểu hiện trù dập, trả thù người tố cáo tham nhũng.

3. Kiến nghị:

Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh hướng dẫn, tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng cập nhật chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng như kê khai tài sản thu nhập, kiểm soát xung đột lợi ích, cho cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng.

Trên đây là báo cáo công tác phòng chống tham nhũng năm 2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Thanh tra tỉnh xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Phòng TCHC (Trang Thông tin điện tử);
- Lưu: VT, TTra.

GIÁM ĐỐC

Đặng Kim Cương

Biểu số: 01/PCTN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ
VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNPTNT ngày /12/ 2021)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	15
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	0
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	800
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	Kết quả công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được ban hành mới	Văn bản	0
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	16
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0

15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
17	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn		
18	Số cơ quan, tổ chức đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	31
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
25	Số thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	110
26	Số thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	110
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
28	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng	Triệu đồng	0
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán	%	0
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	347

33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	5
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
36	Tổng số các vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	0
	Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	Vụ	0
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	0
	Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra	Người	0
	Qua hoạt động giám sát, thanh tra kiểm toán		
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0

46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng		
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
54	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	Qua các hoạt động khác ngoài các hoạt động nêu trên (nếu có)		
56	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua các hoạt động khác	Người	0
	Qua điều tra tội phạm		
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHŨNG		

64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
66.1	- Khiển trách	Người	0
66.2	- Cảnh cáo	Người	0
66.3	- Cách chức	Người	0
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án, bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án, bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp), trong đó:	Người	0
68.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	0
68.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	0
68.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	0
68.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được phát hiện		
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
74	Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu đồng	0

75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu đồng	0
76	Đất đai	m ²	0
76.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	m ²	0
76.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
78	Đất đai	m ²	0
	PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại khoản 1 Điều 80) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	-
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại khoản 1 Điều 80) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	-
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại khoản 1 Điều 80) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	-
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	-
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	-
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	-
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	-
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	-

Biểu số: 02/PCTN

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNNPTNT ngày tháng năm 2021)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	Không có				
2	Không có				

Biểu số: 03/PCTN

**KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI
DỤNG ĐỂ THAM NHỮNG**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNNPTNT ngày tháng năm 2021)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1	Không phát hiện						
2							
Tổng số:							